TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 31*/2017*/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Quốc Phòng; ông Trần Đức Liên
***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T4, xã V, huyện T, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Bị đơn:** bà Lê Thị Nh, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T4, xã V, huyện T, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bầy: Ông đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Nh vào năm 1985 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau phát triển thường xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên can, chính quyền hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng ly thân nhiều lần rồi lại về chung sống, lần ly thân gần đây từ tháng 6/2016 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng với bà Nh được nữa vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Nh trình bày: Về điều kiện thủ tục kết hôn của vợ chồng bà như ông T trình bày là đúng. Bà thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không quan tâm đến gia đình, vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không cảm thông, chia sẻ, động viên nhau, ông T hay xúc phạm danh dự và đánh đập bà. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên

can, chính quyền hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng bà sống ly thân từ khoảng tháng 6/2016 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay ông T xin ly hôn, bà vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình để con cái có đầy đủ bố mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng cùng trình bày có 02 con chung tên là Nguyễn Thị A, sinh ngày 07/2/1988 và Nguyễn Th, sinh ngày 03/10/1991. Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và có cuộc sống tự lập. Quan điểm của ông T trong đơn xin ly hôn ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tuy nhiên sau đó vì các con chung đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Quan điểm của bà Nh vì bà không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Quan điểm của ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của bà Nh: tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà trình bày vợ chồng có một số tài sản như: 01 nhà mái bằng ba gian; 03 gian bếp cấp 4; công trình phụ; chuồng lợn; 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 xe cải tiến; 02 giường; 01 tủ; 01 bộ bàn ghế ...những tài sản này hiện ông T đang quản lý và bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai Tòa án đã giải thích cho bà Nh về phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, giải thích về trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật để bà Nh thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản; sau đó Tòa án đã ra Thông báo về việc cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ hướng dẫn cho bà Nh trình tự thủ tục thực hiện quyền yêu cầu giải quyết về tài sản và ấn định thời gian cho bà Nh; tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải Tòa án tiếp tục giải thích cho các đương sự ông T, bà Nh về phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T trong vụ án này, giải thích về trình tự thủ tục, ấn định thời gian cho các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này, tuy nhiên các đương sự không thực hiện.

Tại phiên tòa: ông Nguyễn Văn T giữ nguyên quan điểm của mình; bà Lê Thị Nh đồng ý ly hôn, về con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung bà vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Nh. Về con chung không giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức: tách ra giải quyết ở vụ án khác, ngoài ra còn có quan điểm về án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hà Nam đăng ký vào năm 1985 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cảm thông, chia sẻ, quan tâm đến nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, mặc dù đã được khuyên can nhưng tình cảm không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh tồn tại trong một quá trình, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nay ông T xin ly hôn bà Nh cũng đồng ý vì vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà Nh là phù hợp thực tế và quy định tại Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 07/2/1988 và Nguyễn Th, sinh ngày 03/10/1991. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và có cuộc sống tự lập vì vậy xét quan điểm của các đương sự là phù hợp nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Xét ý kiến của bà Lê Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần giải thích cho bà Nh về phạm vi yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giải thích về trình tự thủ tục phải làm đơn nêu rõ yêu cầu, cung cấp tài liệu chứng cứ và trên cơ sở đó phải nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu của bà Nh theo thủ tục chung, tuy nhiên sau nhiều lần ấn định thời hạn thì bà Nh không làm bất cứ thủ tục gì vì vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, công sức, công nợ của bà Nh trong vụ án này vì chưa đủ điều kiện mà tách ra giải quyết ở vụ án độc lập khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Nh mỗi người phải chịu 150.000đ; các đương sự thỏa thuận để ông T chịu toàn bộ án phí với tổng số tiền là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 202 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Nh

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Nh mỗi người phải chịu 150.000đ; các đương sự thỏa thuận để ông T chịu toàn bộ án phí với tổng số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp ngày 04/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; ông T, bà Nh có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THA huyện Duy Tiên.*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN NGỌC THUẬN